

Số: 1781/QĐ-ĐHTN

Thái Nguyên, ngày 16 tháng 04 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Ban hành định dạng định dạng đề thi đánh giá năng lực sử dụng
tiếng Nga theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam**

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04/04/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/05/2020 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐĐHTN ngày 19/11/2021 của Chủ tịch Hội đồng Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức vào hoạt động của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 2435/QĐ-ĐHTN ngày 26/11/2020 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Khảo thí và Quản lý chất lượng giáo dục - Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1292/QĐ-ĐHTN ngày 26/03/2025 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc thành lập Ban thẩm định định dạng đề thi đánh giá năng lực sử dụng tiếng Nga theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Căn cứ Biên bản thẩm định ngày 09/04/2025 của Ban thẩm định định dạng đề thi đánh giá năng lực sử dụng tiếng Nga theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Đào tạo và Quản lý người học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành định dạng đề thi đánh giá năng lực sử dụng tiếng Nga theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Điều 2. Định dạng đề thi đánh giá sử dụng tiếng Nga nói trên được sử dụng làm căn cứ xây dựng ngân hàng đề thi đánh giá sử dụng tiếng Nga theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Điều 3. Các ông (Bà) Chánh Văn phòng, Trưởng Ban Đào tạo và các ban chức năng, Trung tâm Khảo thí và Quản lý chất lượng giáo dục - Đại học Thái Nguyên, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này /

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (t/h);
- Lưu VT.



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

PGS. TS. Nguyễn Hữu Công

ĐỊNH DẠNG ĐỀ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC SỬ DỤNG TIẾNG NGA

Từ bậc 1 đến bậc 6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam

(Ban hành kèm theo quyết định số 1781/QĐ-ĐHTN ngày 16 tháng 4 năm 2025
của Giám đốc Đại học Thái Nguyên)

I. ĐỊNH DẠNG ĐỀ THI BẬC 1

1. Yêu cầu chung:

Định dạng đề thi Bậc 1 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, thí sinh hiểu và sử dụng được một số câu đơn giản nhất để đáp ứng nhu cầu giao tiếp đơn giản cũng như làm cơ sở cho việc tiếp tục học tiếng Nga ở bậc cao hơn.

2. Định dạng đề thi:

Kỹ năng	Thời gian	Số lượng/ Nhiệm vụ câu hỏi	Số điểm/ câu	Dạng câu hỏi/ Nhiệm vụ bài thi
Nghe hiểu (10 điểm)	25 phút, bao gồm thời gian chuyển kết quả sang phiếu trả lời. Số lần nghe: 2 lần.	3 phần: 20 câu - Phần 1: 07 câu trắc nghiệm khách quan 3 lựa chọn để điền từ vào chỗ trống.	0.5	- Thí sinh nghe các đoạn thông báo ngắn, đoạn độc thoại hay hội thoại.
		- Phần 2: 07 câu trắc nghiệm khách quan 3 lựa chọn, xác định tình huống giao tiếp diễn ra ở đâu.		- Thí sinh nghe mỗi câu tương ứng với 1 đoạn thông báo ngắn, đoạn độc thoại hay hội thoại ngắn xác định tình huống giao tiếp diễn ra ở đâu.
		- Phần 3: 06 câu trắc nghiệm khách quan 3 lựa chọn để trả lời câu hỏi.		- Thí sinh nghe đoạn hội thoại hay độc thoại ngắn và trả lời câu hỏi trắc nghiệm.
Đọc hiểu (10 điểm)	35 phút, bao gồm cả thời gian chuyển kết quả sang phiếu trả lời	4 phần: 20 câu - Phần 1: 03 câu trắc nghiệm khách quan 3 lựa chọn để hoàn thiện nội dung của các thông báo ngắn.	0.5	- Thí sinh đọc các thông báo ngắn, ghép câu miêu tả với nội dung thông báo.
		- Phần 2: 06 câu trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn để chọn từ/cụm từ vào chỗ trống.		- Thí sinh đọc bài đọc ngắn và lựa chọn từ/cụm từ điền vào chỗ trống.
		- Phần 3: 06 câu trắc nghiệm khách quan 3 lựa chọn thông tin phù hợp với bài đọc ngắn.		- Thí sinh đọc bài đọc ngắn và lựa chọn thông tin phù hợp nhất với bài đọc.
		- Phần 4: 05 câu trắc nghiệm khách quan 3 lựa chọn tương ứng trả lời câu hỏi với 1 bài đọc ngắn.		- Thí sinh đọc bài đọc ngắn và trả lời câu hỏi trắc nghiệm.

Viết (10 điểm)	35 phút, viết trên phiếu trả lời	2 phần: 05 câu, 01 bài viết - Phần 1: 05 câu viết lại câu không thay đổi trật tự từ và ngữ nghĩa.	0.8	- Thí sinh viết 5 câu hoàn chỉnh từ những từ và cụm từ cho sẵn không thay đổi trật tự từ và ngữ nghĩa.
		- Phần 2: 01 bài viết ngắn khoảng 50 từ về giới thiệu bản thân, gia đình, bạn bè.	6	- Thí sinh viết 1 bài viết ngắn khoảng 100 từ về bản thân, gia đình, bạn bè.
Nói (10 điểm)	Chuẩn bị: 10 phút, Trình bày: 5 phút	2 phần: 05 câu, 01 bài miêu tả - Phần 1: Trả lời 05 câu hỏi.	0.8	- Thí sinh trả lời câu hỏi cho sẵn
		- Phần 2: Trình bày miêu tả theo chủ đề (ví dụ: bản thân, gia đình, bạn bè).	6	- Thí sinh được đưa ra các gợi ý cho sẵn . Trình bày miêu tả trên các gợi ý cho sẵn về các chủ đề đó.

3. Kết quả:

- Tổng điểm bài thi được tính trên thang điểm 10, làm tròn đến 0.5 điểm. Không có kỹ năng nào < 2.0 điểm.

- **Điểm kết luận = (Nghe hiểu + Đọc hiểu + Viết + Nói) : 4**

- **Yêu cầu đạt: TBC tổng điểm của cả 4 kỹ năng từ 5.0 điểm trở lên.**

II. ĐỊNH DẠNG ĐỀ THI BẬC 2

1. Yêu cầu chung:

Định dạng đề thi Bậc 2 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, thí sinh tiến hành được giao tiếp đơn giản với các chủ đề thân thuộc trong cuộc sống hàng ngày nhằm đạt được năng lực tiếng Nga ở bậc 2.

2. Định dạng đề thi

Kỹ năng	Thời gian	Số lượng/ Nhiệm vụ câu hỏi	Số điểm/ câu	Dạng câu hỏi/ Nhiệm vụ bài thi
Nghe hiểu (10 điểm)	30 phút, bao gồm thời gian chuyển kết quả sang phiếu trả lời. Số lần nghe: 2 lần.	3 phần: 25 câu - Phần 1: 10 câu trắc nghiệm khách quan 3 lựa chọn để điền từ vào chỗ trống.	0.4	- Thí sinh nghe các đoạn thông báo, đoạn độc thoại hay hội thoại và điền từ vào chỗ trống.
		- Phần 2: 5 câu trắc nghiệm khách quan 3 lựa chọn chủ đề của đoạn hội thoại.		- Thí sinh nghe các đoạn thông báo, đoạn độc thoại hay hội thoại để xác định chủ đề của hội thoại.
		- Phần 3: 10 câu trắc nghiệm khách quan 3 lựa chọn để trả lời câu hỏi.		- Thí sinh nghe các đoạn thông báo, đoạn độc thoại hay hội thoại và trả lời câu hỏi trắc nghiệm.
Đọc hiểu (10 điểm)	40 phút, bao gồm cả thời gian chuyển kết quả sang phiếu trả lời	4 phần: 30 câu - Phần 1: 10 câu trắc nghiệm khách quan 3 lựa chọn để hoàn thiện nội dung của các thông báo.	0.4	- Thí sinh đọc các thông báo, ghép câu miêu tả với nội dung thông báo.
		- Phần 2: 08 câu trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn để chọn từ/cụm từ điền vào chỗ trống.	0.3	- Thí sinh đọc bài đọc và lựa chọn từ/cụm từ điền vào chỗ trống.
		- Phần 3: 06 câu trắc nghiệm khách quan 3 lựa chọn thông tin phù hợp với bài đọc.		- Thí sinh đọc bài đọc và lựa chọn thông tin phù hợp nhất, đúng nhất với bài đọc.
Viết (10 điểm)	40 phút, viết trên phiếu trả lời	2 phần: 05 câu, 01 bài viết - Phần 1: 05 câu viết lại câu không thay đổi trật tự từ và ngữ nghĩa.	0.8	- Thí sinh viết 5 câu hoàn chỉnh từ những từ và cụm từ cho sẵn không thay đổi trật tự từ và ngữ nghĩa.
		- Phần 2: Viết 1 bức thư theo chủ đề cho trước liên quan đến cuộc sống hàng ngày, khoảng 70-100 từ.	6	- Thí sinh viết 1 bức thư khoảng 70-100 từ về chủ đề cho trước.

Nói (10 điểm)	Chuẩn bị: 10 phút, Trình bày: 5 phút	2 phần: 05 câu, 01 bài miêu tả, thảo luận - Phần 1: Trả lời 05 câu hỏi.	0.8	- Thí sinh trả lời câu hỏi có sẵn.
		- Phần 2: Trình bày chủ đề.	6	- Trình bày miêu tả chủ đề không có gợi ý.

3. Kết quả:

- Tổng điểm bài thi được tính trên thang điểm 10, làm tròn đến 0.5 điểm. Không có kỹ năng nào < 2.0 điểm.

- **Điểm kết luận = (Nghe hiểu + Đọc hiểu + Viết + Nói) : 4**

- **Yêu cầu đạt: TBC tổng điểm của cả 4 kỹ năng từ 5.0 điểm trở lên.**

III. ĐỊNH DẠNG ĐỀ THI BẬC 3

1. Yêu cầu chung:

Định dạng đề thi Bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, thí sinh có thể sử dụng tiếng Nga để thực hiện các giao tiếp cơ bản trong cuộc sống, học tập, làm việc, mua sắm, sức khỏe...; Ngoài ra, khi đi du lịch nước Nga cơ bản thực hiện được các giao tiếp thông thường và có thể xử lý các tình huống xảy ra.

2. Định dạng đề thi

Kỹ năng	Thời gian	Số lượng/ Nhiệm vụ câu hỏi	Số điểm/ câu	Dạng câu hỏi/ Nhiệm vụ bài thi
Nghe hiểu (10 điểm)	30 phút, bao gồm thời gian chuyển kết quả sang phiếu trả lời. Số lần nghe: 2 lần.	3 phần: 25 câu - Phần 1: 10 câu trắc nghiệm khách quan 3 lựa chọn phù hợp với nội dung đoạn đọc thoại, bài giảng hay sự kiện.	0.4	- Thí sinh nghe đoạn đọc thoại, bài giảng hay sự kiện, lựa chọn phương án trả lời phù hợp với nội dung.
		- Phần 2: 10 câu trắc nghiệm khách quan 3 lựa chọn để điền từ/ cụm từ vào chỗ trống.		- Thí sinh nghe đoạn thông báo, đoạn đọc thoại, hội thoại, bài giảng hay sự kiện lựa chọn điền từ vào chỗ trống.
		- Phần 3: 5 câu trắc nghiệm trả lời câu hỏi đúng/ sai.		- Thí sinh nghe đoạn thông báo, đoạn đọc thoại, hội thoại, bài giảng hay sự kiện và lựa chọn câu trả lời đúng/sai.
Đọc hiểu (10 điểm)	40 phút, bao gồm cả thời gian chuyển kết quả sang phiếu trả lời	4 phần: 30 câu - Phần 1: 10 câu trắc nghiệm khách quan 3 hoặc 4 lựa chọn để hoàn thiện nội dung của bài đọc.	0.4	- Thí sinh đọc bài đọc, ghép câu miêu tả với nội dung bài đọc.
		- Phần 2: 10 câu trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn để chọn từ/cụm từ điền vào chỗ trống.	0.3	- Thí sinh đọc bài đọc và lựa chọn từ/cụm từ điền vào chỗ trống.
		- Phần 3: 05 câu trắc nghiệm khách quan 3 lựa chọn tiêu đề hoặc ý chính cho từng đoạn.		- Thí sinh đọc đoạn văn và lựa chọn tiêu đề hoặc ý chính với đoạn văn đó.
		- Phần 4: 05 câu trắc nghiệm khách quan 3 lựa chọn tương ứng trả lời câu hỏi cho bài đọc ngắn.		- Thí sinh đọc bài đọc và trả lời câu hỏi trắc nghiệm.
Viết (10 điểm)	50 phút, viết trên phiếu trả lời	2 phần: - Phần 1: Viết thư cá nhân khoảng 70-100 từ về các tình huống quen thuộc hàng ngày (gia đình, học tập, nghỉ ngơi, sở thích).	4	- Thí sinh viết 1 bức thư cá nhân khoảng 70-100 từ về các tình huống quen thuộc hàng ngày (gia đình,

				học tập, nghỉ ngơi, sở thích).
		- Phần 2: Viết bài luận theo chủ đề cho trước về xã hội hoặc cá nhân, khoảng 100-120 từ.	6	- Thí sinh viết bài luận khoảng 100-120 từ về chủ đề cho trước.
Nói (10 điểm)	Chuẩn bị: 15 phút, Trình bày: 7 phút	2 phần: - Phần 1: Tương tác xã hội	4	- Giới thiệu bản thân và trả lời 4 câu hỏi cá nhân.
		- Phần 2: Phát triển chủ đề.	6	- Thí sinh trình bày về một chủ đề cho sẵn và phát triển đưa ra các ý của riêng mình.

3. Kết quả:

- Tổng điểm bài thi được tính trên thang điểm 10, làm tròn đến 0.5 điểm. Không có kỹ năng nào < 2.0 điểm.

- **Điểm kết luận = (Nghe hiểu + Đọc hiểu + Viết + Nói) : 4**

- **Yêu cầu đạt: TBC tổng điểm của cả 4 kỹ năng từ 5.0 điểm trở lên.**

IV. ĐỊNH DẠNG ĐỀ THI BẬC 4

1. Yêu cầu chung:

Định dạng đề thi Bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, thí sinh có thể dùng tiếng Nga để thảo luận, trao đổi với lĩnh vực giao tiếp tương đối rộng và có khả năng giao tiếp tương đối lưu loát với người bản ngữ, có thể đọc hiểu được sách, báo tạp chí; có thể xem hiểu phim ảnh và thuyết trình tương đối hoàn chỉnh bằng tiếng Nga.

2. Định dạng đề thi

Kỹ năng	Thời gian	Số lượng/ Nhiệm vụ câu hỏi	Số điểm/ câu	Dạng câu hỏi/ Nhiệm vụ bài thi
Nghe hiểu (10 điểm)	30 phút, bao gồm thời gian chuyển kết quả sang phiếu trả lời. Số lần nghe: 1 lần.	3 phần: 25 câu - Phần 1: 10 câu trắc nghiệm khách quan 3 lựa chọn phù hợp với nội dung thông tin trong đoạn hội thoại, nội dung thông tin quảng cáo.	0.4	- Thí sinh nghe nội dung thông tin trong đoạn hội thoại, nội dung thông tin quảng cáo lựa chọn phương án trả lời đúng với nội dung.
		- Phần 2: 5 câu trắc nghiệm khách quan 3 lựa chọn để điền từ/ cụm từ vào chỗ trống.		- Thí sinh nghe các đoạn thông báo, đoạn độc thoại, hội thoại, bài giảng hay sự kiện lựa chọn điền từ vào chỗ trống.
		- Phần 3: 10 câu hỏi trắc nghiệm khách quan 3 lựa chọn, chọn câu trả lời đúng nhất.		- Thí sinh nghe 2 đoạn thông báo, đoạn độc thoại, hội thoại, bài giảng, tin tức hay sự kiện và chọn câu trả lời đúng.
Đọc hiểu (10 điểm)	50 phút, bao gồm cả thời gian chuyển kết quả sang phiếu trả lời	4 phần: 30 câu - Phần 1: 10 câu trắc nghiệm khách quan 3 lựa chọn để hoàn thiện nội dung của bài đọc.	0.4	- Thí sinh đọc bài đọc, ghép câu miêu tả với nội dung bài đọc.
		- Phần 2: 10 câu trắc nghiệm khách quan 3 hoặc 4 lựa chọn để chọn từ/cụm từ điền vào chỗ trống.	0.3	- Thí sinh đọc bài đọc và lựa chọn từ/cụm từ điền vào chỗ trống.
		- Phần 3: 05 câu trắc nghiệm khách quan 3 lựa chọn tiêu đề hoặc ý chính cho từng đoạn.		- Thí sinh đọc đoạn văn và lựa chọn tiêu đề hoặc ý chính với đoạn văn đó.
		- Phần 4: 05 câu trắc nghiệm khách quan 3 lựa chọn tương ứng trả lời câu hỏi với 1 bài đọc dài.		- Thí sinh đọc bài đọc và trả lời câu hỏi trắc nghiệm.
Viết (10 điểm)	60 phút, viết trên phiếu trả lời	2 phần: - Phần 1: Viết thư/ thư điện tử khoảng 150 từ.	4	- Thí sinh viết 1 bức thư khoảng 150 từ.
		- Phần 2: Viết bài luận theo chủ đề cho trước về xã hội hoặc cá nhân, khoảng 200-250 từ và đưa	6	- Thí sinh viết bài luận khoảng 200-250 từ về chủ đề cho trước, đưa ra ví dụ cụ thể để minh họa,

		ra ví dụ cụ thể để minh họa, thể hiện quan điểm cá nhân.		thể hiện quan điểm cá nhân.
Nói (10 điểm)	Chuẩn bị: 15 phút, Trình bày: 10 phút	3 phần: - Phần 1: Tương tác xã hội	2	- Thí sinh nói về bản thân, học tập, công việc, sở thích.
		- Phần 2: Phát triển chủ đề.	4	- Thí sinh trình bày về một chủ đề và trình bày quan điểm cá nhân.
		- Phần 3: Thảo luận	4	- Thí sinh tranh luận, đưa ra ý kiến về vấn đề được đưa ra như: môi trường, công nghệ, giáo dục, văn hóa...

3. Kết quả:

- Tổng điểm bài thi được tính trên thang điểm 10, làm tròn đến 0.5 điểm. Không có kỹ năng nào < 2.0 điểm.

- **Điểm kết luận = (Nghe hiểu + Đọc hiểu + Viết + Nói) : 4**

- **Yêu cầu đạt: TBC tổng điểm của cả 4 kỹ năng từ 5.0 điểm trở lên.**

V. ĐỊNH DẠNG ĐỀ THI BẬC 5

1. Yêu cầu chung:

Định dạng đề thi Bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, thí sinh có thể dùng tiếng Nga để thảo luận, trao đổi với lĩnh vực giao tiếp tương đối rộng và có khả năng giao tiếp tương đối lưu loát với người bản ngữ, có thể đọc hiểu được sách, báo tạp chí; có thể xem hiểu phim ảnh và thuyết trình tương đối hoàn chỉnh bằng tiếng Nga.

2. Định dạng đề thi

Kỹ năng	Thời gian	Số lượng/ Nhiệm vụ câu hỏi	Số điểm/ câu	Dạng câu hỏi/ Nhiệm vụ bài thi
Nghe hiểu (10 điểm)	30 phút, bao gồm thời gian chuyển kết quả sang phiếu trả lời. Số lần nghe: 1 lần.	3 phần: 25 câu - Phần 1: 10 câu trắc nghiệm khách quan 3 lựa chọn phù hợp với nội dung thông tin trong đoạn hội thoại, nội dung thông tin quảng cáo.	0.4	- Thí sinh nghe nội dung thông tin trong đoạn hội thoại, thông tin quảng cáo về chủ đề chuyên môn hoặc xã hội, chọn phương án trả lời đúng.
		- Phần 2: 8 câu trắc nghiệm khách quan 3 lựa chọn để điền từ/ cụm từ vào chỗ trống..		- Thí sinh nghe bài thuyết trình dài và chọn phương án trả lời đúng.
		- Phần 3: 7 câu trắc nghiệm khách quan 3 lựa chọn phù hợp với nội dung phỏng vấn.		- Thí sinh nghe đoạn hội thoại phỏng vấn và chọn phương án trả lời đúng.
Đọc hiểu (10 điểm)	60 phút, bao gồm cả thời gian chuyển kết quả sang phiếu trả lời	3 phần: 25 câu - Phần 1: 8 câu trắc nghiệm khách quan 3 lựa chọn để hoàn thiện nội dung của bài đọc.	0.4	- Thí sinh đọc bài báo khoa học, bài luận chính trị xã hội và chọn câu trả lời đúng.
		- Phần 2: 7 câu lựa chọn câu hỏi hoặc câu dẫn tương ứng cho phù hợp với câu trả lời cho trước.		- Thí sinh đọc bài đọc là một bài phỏng vấn hoặc đối thoại, lựa chọn câu hỏi hoặc câu dẫn cho phù hợp với nội dung câu trả lời cho trước. Mỗi câu có thể lựa chọn 1 đến 2 nội dung câu hỏi hoặc câu dẫn.
		- Phần 3: 10 câu xác định thông tin phù hợp hay không phù hợp với nội dung hoặc trả lời cho câu hỏi mở.		- Thí sinh đọc bài phê bình văn học, một bài phân tích xã hội và đánh giá nội dung, xác định thông tin phù hợp hay không phù hợp.
Viết (10 điểm)	80 phút, viết trên phiếu trả lời	2 phần: - Phần 1: Viết bài luận phân tích hoặc bình luận về một chủ đề văn hóa, xã hội, chính trị, khoa học (khoảng 200 từ).	4	- Thí sinh viết bài luận phân tích hoặc bình luận về một chủ đề văn hóa, xã hội, chính trị, khoa học (khoảng 200 từ).
		- Phần 2: Viết bài luận	6	- Thí sinh viết bài luận

		chuyên sâu về một vấn đề thời sự, kinh tế, văn hóa, xã hội (khoảng 250-300 từ).		chuyên sâu về một vấn đề thời sự, kinh tế, văn hóa, xã hội (khoảng 250-300 từ).
Nói (10 điểm)	Chuẩn bị: 25 phút, Trình bày: 10 phút	3 phần: - Phần 1: Tương tác xã hội	2	- Thí sinh nói về học vấn, kinh nghiệm làm việc, nghiên cứu khoa học.
		- Phần 2: Phát triển chủ đề.	4	- Thí sinh thảo luận và bày tỏ ý kiến cá nhân về một vấn đề nào đó trong thực tế hoặc trong truyền hình, báo chí.
		- Phần 3: Thảo luận và phản biện	4	- Thí sinh thảo luận về vấn đề phức tạp được đưa ra như: kinh tế, xã hội, khoa học, công nghệ, giáo dục...

3. Kết quả:

- Tổng điểm bài thi được tính trên thang điểm 10, làm tròn đến 0.5 điểm. Không có kỹ năng nào < 2.0 điểm.
- **Điểm kết luận = (Nghe hiểu + Đọc hiểu + Viết + Nói) : 4**
- **Yêu cầu đạt: TBC tổng điểm của cả 4 kỹ năng từ 5.0 điểm trở lên.**

VI. ĐỊNH DẠNG ĐỀ THI BẬC 6

1. Yêu cầu chung:

Định dạng đề thi Bậc 6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, thí sinh dễ dàng nghe và đọc hiểu bản tin tiếng Nga; có thể sử dụng tiếng Nga để trình bày lưu loát kiến giải của bản thân bằng cả hình thức nghe, nói, đọc và viết.

2. Định dạng đề thi

Kỹ năng	Thời gian	Số lượng/ Nhiệm vụ câu hỏi	Số điểm/ câu	Dạng câu hỏi/ Nhiệm vụ bài thi
Nghe hiểu (10 điểm)	40 phút, bao gồm thời gian chuyển kết quả sang phiếu trả lời. Số lần nghe: 1 lần.	3 phần: 25 câu - Phần 1: 4 câu hỏi trắc nghiệm khách quan 3 lựa chọn, chọn câu trả lời đúng.	0.4	- Thí sinh nghe cuộc thảo luận chuyên sâu giữa các chuyên gia về chuyên môn hoặc về xã hội, chọn phương án trả lời đúng.
		- Phần 2: 14 câu hỏi trắc nghiệm khách quan 3 lựa chọn để hoàn thiện nội dung của bài thuyết trình được nghe hay đoạn kịch, phim được xem.		- Thí sinh nghe 1 đoạn bài thuyết trình dài hoặc xem một đoạn kịch hay phim ngắn và chọn câu trả lời phù hợp nội dung.
		- Phần 3: 7 câu trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn trả lời câu hỏi.		- Thí sinh nghe bài phỏng vấn chọn câu trả lời đúng.
Đọc hiểu (10 điểm)	60 phút, bao gồm cả thời gian chuyển kết quả sang phiếu trả lời	4 phần: 25 câu - Phần 1: 3 câu (câu 1 viết lại trật tự các đoạn văn để tạo thành bài đọc hoàn chỉnh, câu 2-3 trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn phù hợp nội dung bài đọc hiểu).	0.4	- Thí sinh đọc các đoạn của bài khóa về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và hoàn thành các câu hỏi.
		- Phần 2: 4 câu trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn phù hợp nội dung của 2 bài đọc hiểu.	0.4	- Thí sinh đọc 2 bài đọc về bài luận văn hóa, chính trị xã hội, nghệ thuật và lựa chọn phương án đúng nhất.
		- Phần 3: 8 câu (5 câu trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn phù hợp nội dung của 2 bài đọc hiểu, 3 câu trả lời mở theo nội dung của bài đọc).	0.4	- Thí sinh đọc bài đọc dài, có thể một bài phân tích xã hội, tác phẩm văn học và hoàn thành nội dung yêu cầu.
		- Phần 4: 10 câu trắc nghiệm khách quan 3 lựa chọn phù hợp nội dung của bài đọc hiểu dài.	0.4	- Thí sinh đọc bài đọc dài và lựa chọn phương án trả lời đúng theo nội dung bài đọc.
Viết (10 điểm)	90 phút, viết trên phiếu trả lời	2 phần: - Phần 1: Viết bài luận, chọn 1 trong 2 chủ đề phân tích	4	- Thí sinh viết bài luận phân tích hoặc bình luận

		hoặc bình luận về một chủ đề văn hóa, xã hội, chính trị, khoa học (khoảng 250 từ).		về một chủ đề văn hóa, xã hội, chính trị, khoa học (khoảng 250 từ).
		- Phần 2: Viết lại câu chuyện hay bài luận chuyên sâu đưa ra ý kiến sử dụng lập luận logic và bằng chứng thuyết phục sau khi được nghe câu chuyện hay vấn đề đó qua file âm thanh (khoảng 300-350 từ).	6	- Thí sinh viết bài luận chuyên sâu về một vấn đề thời sự, kinh tế, văn hóa, xã hội, đưa ra ý kiến, lập luận logic và bằng chứng thuyết phục (khoảng 300-350 từ).
Nói (10 điểm)	Chuẩn bị: 30 phút, Trình bày: 15 phút	3 phần: - Phần 1: Trình bày quan điểm cá nhân trong tình huống đưa ra	2	- Thí sinh nhận một chủ đề và trình bày quan điểm của mình, sử dụng lập luận chặt chẽ.
		- Phần 2: Thảo luận chuyên sâu.	4	- Thí sinh thảo luận với giám khảo về một vấn đề phức tạp, phân biện và bảo vệ quan điểm của mình.
		- Phần 3: Phản biện và đánh giá	4	- Thí sinh đưa ra phản biện về một quan điểm mà giám khảo đưa ra như: kinh tế, xã hội, khoa học, công nghệ, giáo dục..

3. Kết quả:

- Tổng điểm bài thi được tính trên thang điểm 10, làm tròn đến 0.5 điểm. Không có kỹ năng nào < 2.0 điểm.

- **Điểm kết luận = (Nghe hiểu + Đọc hiểu + Viết + Nói) : 4**

- **Yêu cầu đạt: TBC tổng điểm của cả 4 kỹ năng từ 5.0 điểm trở lên.**